| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 15/2026/QĐST-DS | *Q, ngày 09 tháng 02 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2026, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 58/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy H, sinh năm: 1958; nơi cư trú: TDP Nam Hồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

*Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Duy H*: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy H, sinh năm: 1968; nơi cư trú: Số 231 đường Nhật Lệ, TDP Trung Bính, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Duy H, sinh năm: 1960; nơi cư trú: TDP Trung Bính, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968; nơi cư trú: TDP Hà Thôn, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971; nơi cư trú: TDP Mỹ Cảnh, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973; nơi cư trú: TDP 9, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Đại diện theo ủy quyền của bà Hiệp: Ông Trương Văn Hậu, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Số 66 đường Phan Đăng Lưu, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị.

Ông Trần Minh P (con bà Hoa), sinh năm: 1989; nơi cư trú: TDP Hà Thôn, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Bà Võ Thị Bảo Tr (con bà Hoa), sinh năm: 2000; nơi cư trú: TDP Mỹ Cảnh, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Ông Võ Thành H (con bà Hoa), sinh năm: 2004; nơi cư trú: TDP Trung Bính, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Đại diện theo ủy quyền của ông Phương, ông Hiếu: Bà Võ Thị Bảo Trung, sinh năm: 2000; nơi cư trú: TDP Mỹ Cảnh, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

Bà Hoàng Thị S, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Số 231 đường Nhật Lệ, TDP Trung Bính, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***- Về hàng thừa kế và di sản thừa kế:***

Ông Nguyễn Duy Hạnh và bà Nguyễn Thị Dinh là vợ chồng, ông Nguyễn Duy Hạnh sinh năm 1932, chết ngày 27/10/2000 và bà Nguyễn Thị Dinh sinh năm 1937, chết ngày 30/9/2007. Khi ông bà mất không để lại di chúc.

Ông Nguyễn Duy Hạnh có cha đẻ là ông Nguyễn Liễn chết năm 1976, mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Liễn chết năm 1979.

Bà Nguyễn Thị Dinh có cha đẻ là ông Nguyễn Khang, chết năm 1954, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Hoa, chết 1960.

Cả ông Hạnh và bà Dinh đều không có cha mẹ nuôi.

Ông Hạnh và bà Dinh sinh được những người con gồm:

- Ông: Nguyễn Duy H, sinh năm 1958
- Ông: Nguyễn Duy H, sinh năm 1960
- Ông: Nguyễn Duy H, sinh năm 1968
- Bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1968
- Bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1971
- Bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973
- Bà Nguyễn Thị Kim Hoa, sinh năm 1962 nhưng đã chết ngày 07/3/2020, chồng bà Nguyễn Thị Kim Hoa là ông Võ Thành Lũy, sinh năm 1958, chết ngày 02/10/2022 (bố mẹ của ông Lũy cũng đã chết). Các con bà Hoa và ông Lũy gồm: Ông Trần Minh Phương, sinh năm 1989, bà Võ Thị Bảo Trung, sinh năm 2000, ông Võ Thành Hiếu, sinh năm 2004 là những người thừa kế.

Ông Hạnh và bà Dinh không có con nuôi.

Tài sản chung của ông Hạnh và bà Dinh bao gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 4 (Theo GCNQSDĐ số 05233 QSDĐ/185QĐ/UB do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Hới cấp ngày 17/8/1993) tại TDP Sa Động, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị; nay là Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 278 (bản đồ 2014) tại TDP Trung Bính, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, có diện tích là 210m$^2$, có trị giá là 4.620.000.000 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Tài sản trên đất bao gồm một nhà ở hai tầng, xây móng đá hộc, tường bằng gạch được tô trát hoàn thiện, phía trên mái đổ bê tông, có diện tích khoảng 73,8m$^2$; một ngôi nhà gỗ dựng tạm diện tích khoảng 40m$^2$, bên trên mái lợp bằng lá cọ và một dại bếp có hai trụ đổ bằng sắt, bê tông, bê trên lợp bằng bro xi măng và tôn có diện tích khoảng 22m$^2$. Trên đất có 02 cây mãng cầu, 01 cây bơ. Các tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Duy H và bà Hoàng Thị Sáu. Ông Hiền, bà Sáu và các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản trên đất.

Xác định di sản thừa kế của ông Hạnh và bà Dinh là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 4 tại TDP Trung Bính, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, có diện tích là 210m$^2$, có trị giá là 4.620.000.000 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Có 07 (bảy) người thừa kế: 210 m$^2$ : 7 = 30m$^2$ x 22.000.000 đồng/m$^2$ = 660.000.000 đồng. Mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng 660.000.000 đồng.

Các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim Hoa là ông Võ Thành Lũy, ông Trần Minh Phương, bà Võ Thị Bảo Trung và ông Võ Thành Hiếu nhưng ông Lũy đã chết, những người thừa kế còn lại là ông Trần Minh Phương, bà Võ Thị Bảo Trung và ông Võ Thành Hiếu đều từ chối nhận di sản thừa kế. Do đó, những người thừa kế còn lại được hưởng: 210m$^2$ : 6 = 35m$^2$ x 22.000.000 đồng/m$^2$ = 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

Các đồng thừa kế bao gồm ông Hùng, ông Hậu, bà Hòa, bà Hiệp thống nhất thỏa thuận tặng cho phần di sản của mình cho ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H đồng sở hữu chung và ông Hiền và bà Huệ đồng ý nhận phần di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và đồng ý nhận phần di sản thừa kế do ông Hùng, ông Hậu, bà Hòa, bà Hiệp tặng cho nêu trên.

Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H được quyền đồng sở hữu chung toàn bộ phần di sản do ông Hạnh và bà Dinh để lại là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 4 (Theo GCNQSDĐ số 05233 QSDĐ/185QĐ/UB do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Hới cấp ngày 17/8/1993) tại TDP Sa Động, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị; nay là Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 278 (bản đồ 2014) tại TDP Trung Bính, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, có diện tích là 210m$^2$, có trị giá là 4.620.000.000 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất theo Quyết định của Tòa án và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

***- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:***

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 3.300.000 đồng (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn). Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H thống nhất thỏa thuận liên đới chịu số tiền 3.300.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này do ông Nguyễn Duy H đã nộp tạm ứng nên ông Hiền và bà Huệ phải hoàn trả số tiền trên lại cho ông Hùng.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hoàn trả trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (do đây là trường hợp các bên không có thỏa thuận).*

***- Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H thống nhất thỏa thuận cùng liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 56.310.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm mười nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Trả lại cho ông Nguyễn Duy H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Hùng đã nộp theo biên lai số 0000404 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Trị;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Quốc Tân**